

CÔNG TY TNHH MTV TM - DV NAM MỸ



PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG C. BÌNH THỦY

**ĐẾN** Số:.....  
Ngày: 14/01/2025  
Chuyên:.....  
Lưu hồ sơ số:.....

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
**CÔNG VĂN ĐẾN**  
Số: 188.....  
Ngày 14 tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**NĂM 2024**  
**NHÀ MÁY SẢN XUẤT SURIMI**  
**BỘT CÁ VÀ MỠ CÁ**

Lô 38A4, Đường Số 1, KCN Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ

CÔNG TY CP XÂY DỰNG HẠ TẦNG  
KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ  
**XÁC NHẬN**  
Ngày... 14... tháng... 01... năm... 2025

  
Trần Thị Diễm Phúc

Cần Thơ, tháng 01 năm 2025

CÔNG TY TNHH MTV TM - DV NAM MỸ

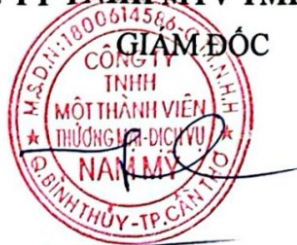


**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**NĂM 2024**  
**NHÀ MÁY SẢN XUẤT SURIMI**  
**BỘT CÁ VÀ MỠ CÁ**

*Lô 38A4, Đường Số 1, KCN Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Quận Bình Thủy, Tp. Cần  
Thơ*

**CHỦ CƠ SỞ:**

**CÔNG TY TNHH MTV TMDV NAM MỸ**



*Võ Thị Gấm*

*Cần Thơ, tháng 01 năm 2025*

CÔNG TY TNHH MTV TM-DV  
NAM MỸ  
Lô 38A4, Đường số 1, KCN Trà  
Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận  
Bình Thủy, Thành Phố Cần Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 13 tháng 01 năm 2025

Số: 01/2025/BC-NM

## BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2024

### CHƯƠNG 1 : THÔNG TIN CHUNG

- Tên Tên sở: **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ NAM MỸ**
- Địa chỉ liên hệ: **Lô 38A4, đường số 1, KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ**
- Số điện cơ thoại: **02923841797** Fax: **02923744850**
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: **(Bà) VÕ THỊ GẮM**
- Chức danh người đại diện theo pháp luật: **Giám đốc.**
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Diện tích, quy mô, công suất.

- Diện tích kinh doanh: **4.155m<sup>2</sup>**
- Quy mô kinh doanh: Sản phẩm của cơ sở bao gồm surimi, bột cá và mỡ cá; trong các loại sản phẩm này thì surimi được xuất khẩu riêng bột cá và mỡ cá được tiêu thụ trong nước.

- Dây chuyền sản xuất surimi:  
Công suất thiết kế: **4.800 tấn thành phẩm/năm.**
- Dây chuyền chế biến bột cá mỡ cá:  
Công suất thiết kế: **80 tấn/ ngày**  
Công suất hiện tại: **10-12 tấn/ngày**

Mã số doanh nghiệp: **1800614586.**

Đăng ký lần đầu ngày **12 tháng 01 năm 2006.** Đăng ký thay đổi lần thứ **14** ngày **17 tháng 05 năm 2021.**

- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường số: **1928/QĐ-UBND** ngày

- Khối lượng thành phẩm

**Bảng 1. Khối Lượng Thành Phẩm**

STT	Sản Phẩm	Đơn Vị	Sản lượng năm 2023	Sản Lượng năm 2024
1	Chả Cá (Surimi)	Tấn/năm	4.580	4.960
2	Bột Cá và Mỡ Cá	Tấn/Năm	2.240	2.380

-Nhiên Liệu Điện nước Tiêu thụ :

**Bảng 2. Nhiên liệu, điện nước tiêu thụ**

Stt	Loại Nhiên Liệu	Đơn Vị	Lượng tiêu thụ năm 2023	Lượng tiêu thụ năm 2024
1	Điện	kWh/tháng	333.792	232.800
2	Nước	m <sup>3</sup> /ngày.đêm	50-80	50-80
3	Trấu	Kg.ngày/đêm	3.225 - 3.425	3.340 - 3.552
4	Dầu DO	Lít/tháng	10.0	10.0

## CHƯƠNG II : KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### 1. Xử lý nước thải

#### 1.1 Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà máy, từ hoạt động vệ sinh, rửa tay .... Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh chứa các thông số ô nhiễm BOD<sub>5</sub>, TSS, N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, N-NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, dầu mỡ động thực vật, P-PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, tổng *Coliform* với nồng độ tương đối cao nếu không có biện pháp xử lý chất ô nhiễm sẽ gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận.

#### 1.2 Nước thải từ hoạt động sản xuất:

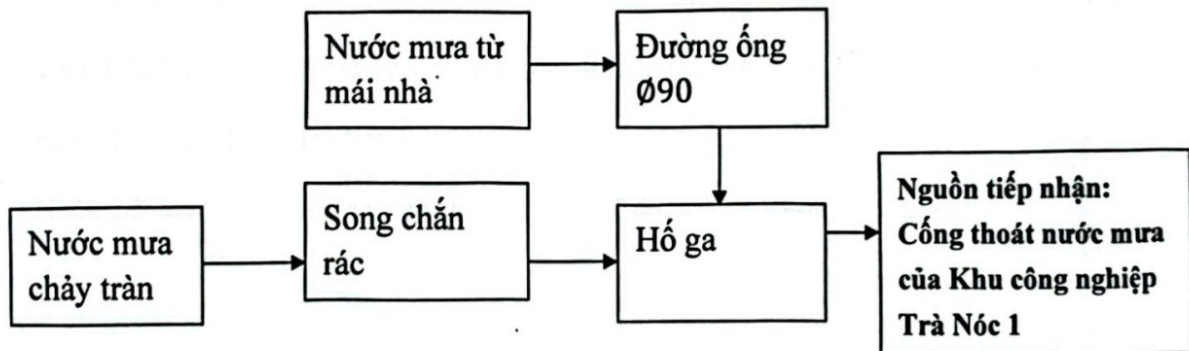
Nước thải từ hoạt động sản xuất bao gồm nước thải từ công đoạn rửa của quy trình sản xuất surimi và nước thải từ công đoạn đập bụi, ngưng tụ hơi nước tại tháp hấp phụ của quy trình sản xuất bột cá và quy trình sản xuất mỡ cá, nước thải từ công đoạn vệ sinh sản chứa nguyên liệu của quy trình chế biến mỡ cá và bột cá.

Đặc trưng nước thải sản xuất Surimi, bột cá và mỡ cá có tính chất: Chứa nhiều mỡ, máu, mảnh vụn thịt, da cá,... Các mảnh vụn thường dễ lắng, dễ phân hủy gây mùi hôi.

Lượng nước thải sản xuất đầu vào chứa các thông số ô nhiễm BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, tổng Nitơ, tổng photpho, tổng dầu mỡ động thực vật, *Coliform* với nồng độ rất cao nếu không có biện pháp xử lý chất ô nhiễm sẽ gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận.

#### 1.3 Nước mưa

Nước mưa chảy tràn qua các khu vực không bị ô nhiễm được xem như nước sạch. Hệ thống thu gom nước mưa được tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.



**Hình 1. Sơ đồ mạng lưới thoát nước mưa chảy tràn**

Hệ thống thu gom nước mưa gồm các cống dẫn thoát nước xây dựng quanh các khu nhà xưởng, khu văn phòng,... Nước mưa từ tầng mái đến tầng trệt được thu gom bằng các đường ống thoát nước mưa Ø90 dẫn đến các hố ga. Nước mưa trên khu vực sân bãi và đường nội bộ chảy tràn qua song chắn rác đến các hố ga có kích thước khoảng 800 x 800 (mm), các hố ga là

điểm đầu nối ống thoát nước mưa từ mái nhà ra hệ thống thoát nước bên ngoài. Nước mưa từ các hố ga được dẫn vào hệ thống cống BTCT có đường kính  $D = 400 \text{ mm}$  và  $D = 1000 \text{ mm}$  được bố trí dọc theo con đường nội bộ của cơ sở. Trong khuôn viên của Cơ sở, hầu hết sân bãi, đường nội bộ đã được bê tông hóa và các nguồn phát sinh chất thải đều có biện pháp thu gom thích hợp. Do đó, nước mưa chảy tràn qua các khu vực của cơ sở được xem là nước không bị nhiễm bẩn. Như vậy, nước mưa chảy tràn tại cơ sở sau khi qua hệ thống cống thu gom sẽ thoát vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công nghiệp Trà Nóc 1.

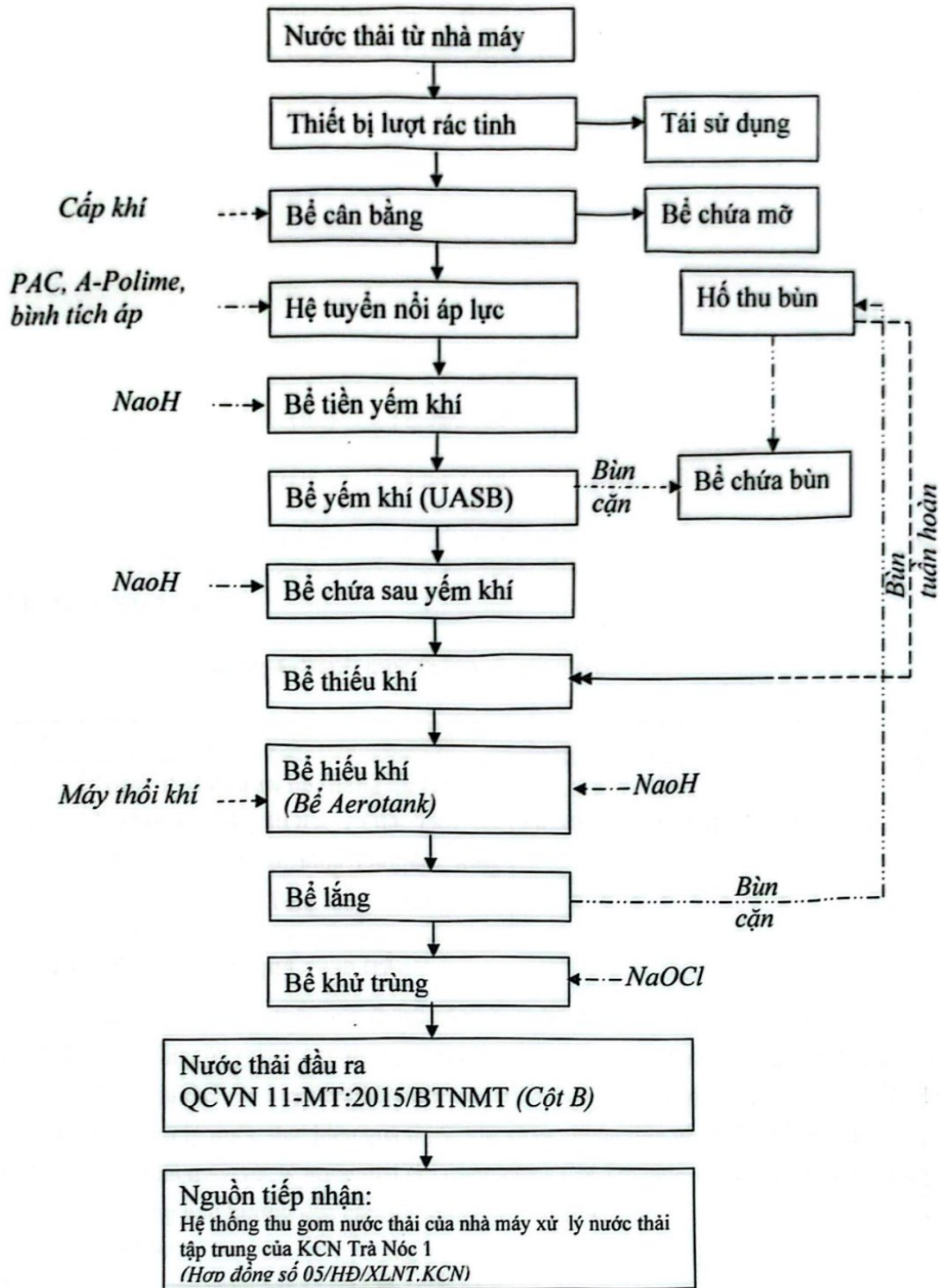
- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm :  $8.095 \text{ m}^3/\text{năm}$  (2021) và  $8.353 \text{ m}^3/\text{năm}$  (năm 2022), Nước thải sinh hoạt phát sinh theo thiết kế được phê duyệt  $24 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất của cơ sở được thu gom triệt để và dẫn về hệ thống xử lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Nước thải phát sinh ở mỗi giai đoạn sản xuất sẽ được thu qua các đường ống kín riêng và dẫn về đường ống thu gom chung  $\text{Ø}300$  để thu gom triệt để nước thải phát sinh. Sau đó nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để xử lý theo quy định.

Nước thải sản xuất thu gom về HTXLNT công suất  $400 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Nước thải đầu ra sau HTXLNT cam kết đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B) trước khi xả thải vào cống thoát nước chung của KCN Trà Nóc 1.

Nước thải sau hầm tự hoại và nước thải sản xuất sẽ được xử lý theo quy trình sau:

➤ Sơ đồ quy trình công nghệ HTXLNT



**Hình 2. Quy trình công nghệ HTXLNT công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm**

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh : 14.200 m<sup>3</sup>/năm (2022) và 13.950 m<sup>3</sup>/năm (Năm 2021).

## Kết quả quan trắc nước thải

### Tần suất quan trắc

Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần (theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất surimi, bột cá và mỡ cá được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xác nhận ngày 31/07/2018 theo Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 31/07/2018.)

### Vị trí quan trắc

Bảng 3. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Nước thải	NT(L1)	26/03/2024	1117255	577456	Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m <sup>3</sup> /ngày.đêm
		NT(L2)	11/06/2024			
		NT(L3)	28/09/2024			
		NT(L4)	16/11/2024			

### Thông số quan trắc

Bảng 4. Danh mục thông số quan trắc

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý: Thông số: pH, BOD <sub>5</sub> , COD, TSS, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng dầu mỡ, Clo dư, Tổng <i>Coliforms</i> .	QCVN: 11-MT:2015/BTNMT (Cột B)

### Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc

Qua kết quả quan trắc cho thấy, các thông số phân tích mẫu tại vị trí tháng 03 (NT(L1)), tháng 06 (NT(L2)), tháng 09 (NT(L3)), tháng 11 (NT(L4)). Tất cả các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 11:2015/BTNMT (cột B). Từ đó có thể nhận xét, Chủ Cơ sở đã vận hành hệ thống xử lý nước thải hiệu quả trước khi xả ra nguồn tiếp nhận Hệ thống thu gom nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Trà Nóc 1 nhằm đảm bảo nước thải đầu ra không ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh

### 2. Xử lý khí thải

**Xử lý khí thải:** các công trình xử lý khí thải gồm:

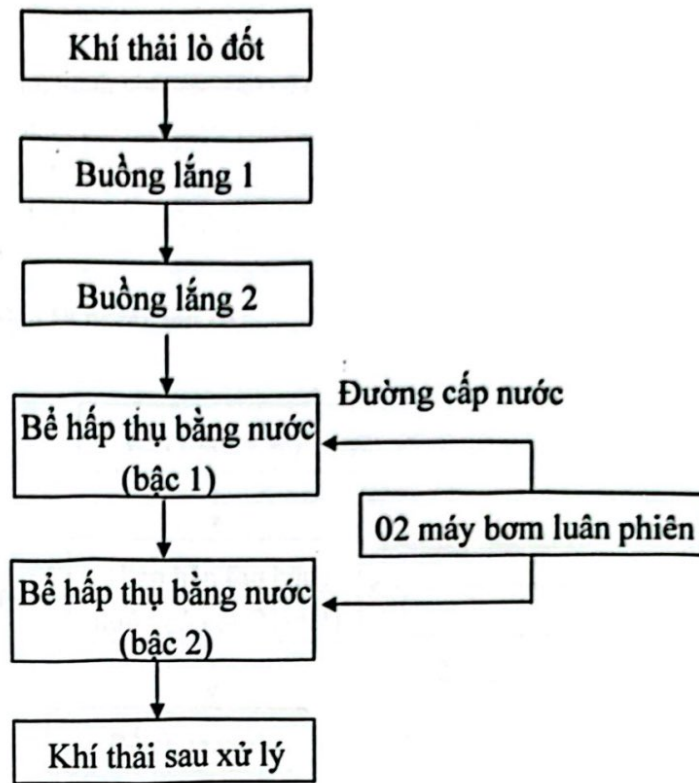
#### **Bụi, khí thải phát sinh từ xưởng sản xuất**

- Sử dụng nguồn nhiên liệu ít gây ô nhiễm
- Định kỳ bảo hành, bảo trì máy móc, thiết bị trong thời gian sản xuất.

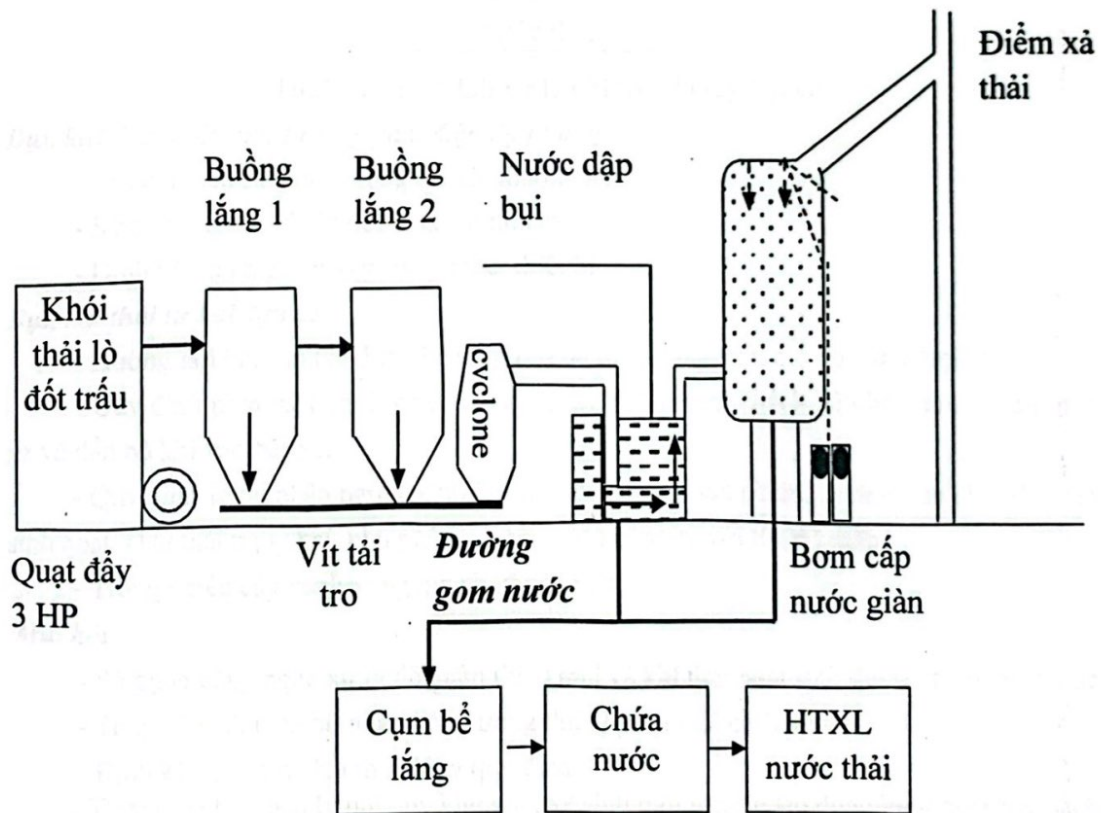
#### **Bụi khí thải từ lò hơi**



♦ Quy trình xử lý khí thải lò hơi đốt trấu



Hình 3. Quy trình xử lý khí thải lò hơi đốt trấu công suất 6 tấn/giờ

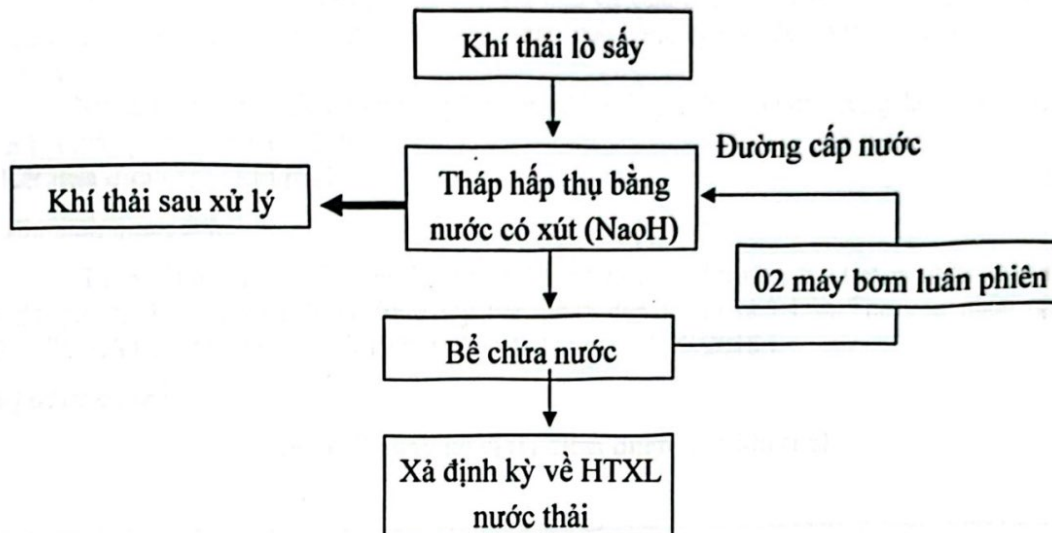


Hình 4. Mô tả quy trình xử lý khí thải lò hơi đốt trấu

- Định kỳ kiểm tra chất lượng nồi hơi nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sự cố có thể xảy ra

- Bố trí ống khói lò hơi cao, tránh phát tán vào cửa sổ của các nhà cao.
- Không nhóm lò trong những giờ cao điểm có nhiều người tập trung.
- Bố trí nơi dễ nhìn thấy đỉnh ống khói.
- Thường xuyên vệ sinh hệ thống lò hơi nhằm giảm bớt lượng bụi trong khí thải.

♦ Quy trình xử lý khí thải từ lò sấy bột cá



Hình 5. Quy trình xử lý khí thải từ lò sấy bột cá

**Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng**

- Trồng nhiều cây xanh xung quanh khuôn viên
- Sử dụng nguồn nhiên liệu ít gây ô nhiễm
- Định kỳ bảo hành, bảo trì máy móc, thiết bị

**Bụi, khí thải từ bãi đậu xe**

- Đường nội bộ, sân bãi được bê tông hóa để tránh phát sinh bụi do vận chuyển.
- Quy định phương tiện đi lại của công nhân, nhân viên, khách liên hệ công tác tắt máy xe và dẫn bộ khi vào bãi xe.

- Quy định xe tải nhập nguyên, nhiên, vật liệu và xuất sản phẩm, xe thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, phụ phẩm,... chạy vào công ty với tốc độ thấp.

- Trồng nhiều cây xanh xung quanh khuôn viên.

**Mùi hôi**

- Sử dụng công nghệ xử lý để giảm thiểu mùi và khí thải phát sinh được trình bày ở mục
- Tổng vệ sinh toàn bộ nhà xưởng trang thiết bị sau mỗi ca sản xuất.
- Định kỳ thu gom chất thải đúng quy định.
- Thực hiện tốt quản lý nội quy khu vực, vệ sinh môi trường lao động luôn đảm bảo sạch sẽ, bố trí nhà xưởng đảm bảo thông thoáng.

### **Nhiệt độ**

- Công nhân làm việc tại các phân xưởng sản xuất, kho lạnh được trang bị bảo hộ lao động: Găng tay, quần áo chống rét, nón bảo hộ, ủng, khẩu trang,...

- Bố trí công nhân nam làm việc tại kho lạnh, thời gian làm việc  $\leq 15$  phút được thay ca luân phiên.

### **Biện pháp chống ồn, rung**

- Trang bị bảo hộ lao động, đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân tại các khu vực phát sinh nhiệt, tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của cơ sở bố trí cây xanh.

- Định kỳ bảo hành, bảo trì máy móc, thiết bị trong thời gian sản xuất.

- Quy định xe tải nhập nguyên, nhiên, vật liệu và xuất sản phẩm, xe thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, phụ phẩm,... chạy vào công ty với tốc độ thấp, không sử dụng kèn xe.

- Nơi đặt máy phát điện dự phòng đặt trên bệ bê tông kiên cố chống rung để hạn chế tiếng ồn khi máy phát điện vận hành.

### **Kết quả quan trắc khí thải**

#### **Tần suất quan trắc**

Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần (theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất surimi, bột cá và mỡ cá được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xác nhận ngày 31/07/2018 theo Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 31/07/2018.)

#### **Vị trí quan trắc**

**Bảng 6. Thống kê vị trí điểm quan trắc khí thải**

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khí thải 1	E1(L1)	26/03/2024	1116742	577582	Bên trong ống khói lò hơi đốt trấu
		E1(L2)	22/07/2024			
		E1(L3)	28/09/2024			
		E1(L4)	05/12/2024			
2	Khí Thải 2	E2(L1)	26/03/2024	1116788	577669	Bên trong ống thoát khí hệ thống hấp phụ khí thải dây chuyền sấy
		E2(L2)	22/07/2024			
		E2(L3)	28/09/2024			
		E2(L4)	05/12/2024			

## Thông số quan trắc

**Bảng 7. Danh mục thông số quan trắc**

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Khí thải lò hơi: tại ống khói lò hơi Thông số: Bụi tổng, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> , CO, nhiệt độ, lưu lượng.	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
2	Khí thải tại ống thoát khí hệ thống hấp phụ khí thải dây chuyền sấy Thông số: NH <sub>3</sub> , H <sub>2</sub> S	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)

### Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc

#### ♦ Khí thải lò hơi

##### Nhận xét:

Kết quả phân tích mẫu khí tại ống khói lò hơi cho thấy: Tất cả các thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B). Từ đó có thể nhận xét, chủ cơ sở đã vận hành lò hơi đạt hiệu quả cam kết khí thải đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt trấu công suất 6 tấn/giờ đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) nhằm giảm thiểu tác động đến sức khỏe công nhân viên làm việc và môi trường tại khu vực.

#### ♦ Khí thải tại ống thoát khí hệ thống hấp phụ dây chuyền sấy

##### Nhận xét:

Kết quả phân tích mẫu khí thải tại ống thoát khí hệ thống hấp phụ khí thải dây chuyền sấy cho thấy: Tất cả các thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B). Từ đó có thể nhận xét, chủ cơ sở đã vận hành quy trình xử lý khí thải lò sấy bột cá đạt hiệu quả. Cam kết khí thải đầu ra của hệ thống đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) nhằm giảm thiểu tác động đến sức khỏe của công nhân làm việc và mùi hôi đến các cơ sở lân cận cũng như dân cư tại khu vực.

### 3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thống kê chất thải phát sinh (Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh **Quản lý chất thải rắn**

#### **Chất thải rắn sinh hoạt (CTRS)**

**Bảng 10. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt**

STT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (Kg)
1	-Vỏ hộp com, rau quả, thức ăn thừa.....	35.130	Công Ty TNHH DV TM Minh Thông theo hợp đồng số 01/2025/HĐVS-BT	33.210
2	Tổng khối lượng	35.130		33.210

Cơ sở đã ký hợp đồng với Công Ty TNHH DV TM Minh Thông để thu gom và xử lý theo hợp đồng số 01/2025/HĐVS-BT.

Công Ty TNHH DV TM Minh Thông thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết rác thải đúng nơi đã được 2 bên thống nhất với thời gian lấy rác 1 ngày/lần nhằm giảm thiểu phát sinh mùi hôi phát sinh.

**Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)**

**Bảng 11. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường**

STT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg)/năm	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (Kg)
1	- Bao bì, dây buộc, chi may bao, kết nhựa, vãn phòng phẩm..... - Thùng carton hư hỏng	40.039	- Bán phế liệu - Bán phế liệu, đổi trả lại nhà cung cấp.	25.311
2	Tro trấu	225.000	Cơ Sở Điện Cơ Hưng Thịnh	350.000

$\Sigma =$

**Đối với tro thải phát sinh:** được thu gom và cho vào bao khoảng 50kg. Đơn vị có ký hợp đồng với Cơ Sở Điện Cơ Hưng Thịnh để thu gom toàn bộ lượng tro này theo hợp đồng số 01.TR/15.06.2018NM-HT

**4. Về quản lý chất thải nguy hại:**

**Chất thải nguy hại (CTNH)**

**Bảng 12. Thống kê chất thải nguy hại**

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2024 (kg)	Số lượng năm 2023 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt thải	18 02 01	33	30	TĐ	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Môi Trường Đô Thị Thành Phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng số 3584/HĐ.MTĐT-NH/24.4.VX
Bóng đèn quỳnh quang thải	16 01 06	2	3	PH, HR,C	
Mực in thải	08 02 01	3	5	TĐ	
Hộp mực in thải	08 02 04	10	8	TĐ	
Pin thải	16 01 12	x	x	C	
<b>Tổng số lượng</b>		<b>15</b>			

Cơ sở có bố trí kho chứa CTNH khoảng 4m<sup>2</sup>, trần lợp tone, vách tone có cửa kính bố trí 05 thùng nhựa chứa chất thải, từng thùng có dán nhãn và ghi mã số CTNH. Cửa ra vào được khóa kín ghi tiêu ngữ “Kho chất thải nguy hại” và biểu tượng hình tam giác có dấu chấm than, nền vàng khung đen ngay trước cửa ra vào kho. Hiện tại, cơ sở đã lập sổ đăng ký chủ nguồn chất

thải nguy hại với mã số QLCTNH: 92.000647.T và đã ký hợp đồng với Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Môi Trường Đô Thị Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 3584/ HĐ.MTĐT-NH/24.4.VX để thu gom CTNH xử lý CTNH phát sinh.

♦ **Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):**

Năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại theo đúng quy định. Công ty hợp đồng với Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

## 5. Bùn thải

♦ **Kết quả quan trắc bùn thải**

**Bảng 13. Kết quả phân tích mẫu bùn thải HTXLNT**

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Kết quả			QCVN 50:2013/BTNMT	
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	H <sub>tc</sub>	C <sub>tc</sub>
1	pH	-	6,98	6,93	6,94	-	-
2	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	2,228	2
3	Ba	mg/L	KPH	KPH	KPH	111,4	100
4	Ag	mg/L	KPH	KPH	KPH	5,57	5
5	Cd	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,557	0,5
6	Pb	mg/L	KPH	KPH	KPH	16,71	15
7	Co	mg/L	KPH	KPH	KPH	89,12	80
8	Zn	mg/L	KPH	KPH	KPH	278,5	250
9	Ni	mg/L	KPH	KPH	KPH	77,98	70
10	Se	mg/L	KPH	KPH	KPH	1,114	1
11	Hg	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,223	0,2
12	Cr <sup>6+</sup>	mg/L	KPH	KPH	KPH	5,57	5
13	CN <sup>-</sup>	mg/kg	KPH	KPH	KPH	32,86	-
14	Tổng dầu	mg/L	KPH	KPH	KPH	55,7	50
15	Benzen	mg/kg	KPH	KPH	KPH	0,557	0,5
16	Phenol	mg/L	KPH	KPH	KPH	1.114	1.000

*Trung tâm công nghệ môi trường tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện Công nghệ Môi trường, số phiếu KT.1712010, ngày 6/12/2017, kết quả ngày 16/12/2017)*

**Ghi chú:** (-): Không đơn vị hay không quy định; KPH: Không phát hiện

**Nhận xét:**

Tất cả các thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 50:2013/BTNMT. Bùn thải HTXLNT được thu gom và nhờ các đơn vị có chức năng vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

### CHƯƠNG 3 : CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC.

- **Tai nạn lao động:** Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ cho công nhân, quy định nghiêm ngặt đối với công nhân vận hành máy móc, thiết bị. Bố trí nghỉ theo quy định.

- **Tai nạn giao thông:** quy định đối với tất cả các phương tiện nhập xuất hàng hóa cũng như các phương tiện vận chuyển vào công ty với tốc độ chậm, tắt máy, dẫn bộ vào bãi giữa xe đối với các phương tiện đi lại, bảo trì bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, tuyên truyền ý thức chấp hành luật an toàn giao thông.

- **Sự cố cháy nổ:** Cấm hút thuốc tại khu vực lưu trữ các nhiên, vật liệu dễ cháy. Các hệ thống điện được lắp đặt an toàn và định kỳ kiểm tra. Kiểm tra thường xuyên các hệ thống làm lạnh. Thực hiện công tác PCCC theo quy định

- **Rò rỉ hóa chất:** Lưu trữ, bảo quản sử dụng hóa chất đúng quy định. Kiểm tra định kỳ kho chứa hóa chất để phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ hóa chất.

- **Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:** Bố trí các thiết bị dự phòng để luân phiên hoạt động khi xảy ra sự cố. Công nhân vận hành HTXLNT sửa chữa, khắc phục tại chỗ, trường hợp không thể khắc phục được, tạm ngưng hoạt động sản xuất để tiến hành các biện pháp sửa chữa HTXLNT.

- **Sự cố cháy nổ đối với lò hơi:** Bố trí nhân viên đã đào tạo chuyên môn, thường xuyên tập huấn vận hành lò hơi do đơn vị kiểm định hướng dẫn để hạn chế sự cố cháy nổ. Ban hành quy trình vận hành lò hơi, công nhân kỹ thuật nắm rõ và thực hiện theo đúng quy trình.

- **An toàn thực phẩm:** thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

- **Vấn đề kinh tế xã hội:** ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương không để xảy ra mâu thuẫn.



## CHƯƠNG 4 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

- Chất lượng khí thải tại các điểm giám sát của nhà máy có các thông số quan trắc đều nằm trong quy định của quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B).

- Các chỉ tiêu quan trắc nước thải sản xuất sau khi xử lý phù hợp với quy định của quy chuẩn QCVN 11: 2015/BTNMT (cột B) trước khi đổ vào nguồn tiếp nhận công cộng khu công nghiệp theo quy định.

- Qua kết quả quan trắc như trên cho thấy hoạt động của cơ sở không gây ảnh hưởng nhiều đến chất lượng môi trường, các loại chất thải phát sinh tương đối ít và chủ cơ sở quản lý theo đúng quy định.

### 2. Kiến nghị

Ngoài những mặt đạt được trong quá trình sản xuất cũng có những hạn chế nhất định. Kính mong các Sở ngành liên quan tạo điều kiện hướng dẫn cho cơ sở về các thủ tục liên quan để có thể thực hiện tốt trong công tác bảo vệ môi trường.

### 3. Cam kết

Cơ sở cam kết thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

Chủ Cơ sở cam kết số liệu báo cáo trên đây là đầy đủ và chính xác trong quá trình tự thực hiện quan trắc giám sát của cơ sở theo đúng các quy định của Nhà nước về chế độ quan trắc, giám sát.

Chủ Cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.



*Võ Thị Gấm*

# PHỤ LỤC 1

## Phụ lục 1: - Kết quả kiểm nghiệm



**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
 Hot line : 0919797284 - 0919986829  
 E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
 Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)

**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 24.3877

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ  
 Địa chỉ: Lô 38A4 Khu Công Nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : NT – Nước thải tại đầu ra HTXLNT (X: 1117255, Y: 577456)
4. **Tình trạng mẫu** : Mẫu đựng trong 01 can nhựa 5 lít
5. **Ngày nhận mẫu** : 26/03/2024
6. **Thời gian thử nghiệm** : 26/03/2024 - 01/04/2024
7. **Ngày trả kết quả** : 02/04/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,16	TCVN 6492:2011
2	COD	mg/l	55	SMEWW 5220C:2023
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	28	SMEWW 5210B:2023
4	TSS	mg/l	27	TCVN 6625:2000
5	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	3,2	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nitơ	mg/l	20,6	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	2,8	SMEWW 4500-P.B&E:2023
8	Coliform	MPN/100ml	2,1 x 10 <sup>2</sup>	SMEWW 9221B:2023
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-) Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
 Hot line : 0919797284 - 0919986829  
 E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
 Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)

**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 24.3879

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ  
 Địa chỉ: Lô 38A4 Khu Công Nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 26/03/2024
- Ngày trả kết quả** : 02/04/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	NH <sub>3</sub> mg/Nm <sup>3</sup>	H <sub>2</sub> S mg/Nm <sup>3</sup>
E2: Bên trong thoát khí hệ thống hấp phụ khí thải dây chuyền sấy (X: 1116788, Y: 577669)		KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
Phương pháp đo, xác định		JIS K 0099:2020	JIS K 0108:2010
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B		50	7,5

Trưởng phòng phân tích

  
 Ngô Thị Bích Thuận

  
 Giám đốc  
 Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
  - Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
  - Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.



**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
 Hot line : 0919797284 - 0919986829  
 E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
 Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)

**HÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 24.3878

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ  
 Địa chỉ: Lô 38A4 Khu Công Nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 26/03/2024
- Ngày trả kết quả** : 02/04/2024

Chỉ tiêu	Lưu lượng m <sup>3</sup> /h	Nhiệt độ °C	Bụi mg/Nm <sup>3</sup>	SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>	NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>	CO mg/Nm <sup>3</sup>
Điểm đo E1: Bên trong ống khói lò hơi tốt trấu (X: 1116742, Y: 577582)	3.094	100,8	42	157	226	413
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 02	HD 92 - ĐO	US EPA Method 05	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	-	-	200	500	850	1.000

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Lưu ý:**

Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên  
 Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.  
 Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K  
 QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

## PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
 Hot line : 0919797284 - 0919986829  
 E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
 Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)

HỒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 249254

- Tên khách hàng** : CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ  
Địa chỉ: Lô 38A4 Khu Công Nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Phân loại mẫu** : Nước thải
- Ký hiệu mẫu** : NT – Nước thải tại đầu ra HTXLNT (X: 1117255, Y: 577456) (\*)
- Ngày nhận mẫu** : 11/06/2024
- Thời gian thử nghiệm** : 11/06/2024 - 18/06/2024
- Ngày trả kết quả** : 18/06/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,47	TCVN 6492:2011
2	COD	mg/L	50	SMEWW 5220C:2023
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	26	SMEWW 5210B:2023
4	TSS	mg/L	16	TCVN 6625:2000
5	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	2,1	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nitơ	mg/L	11,3	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	0,74	SMEWW 4500-P.B&E:2023
8	Coliform	MPN/100mL	1,3 x 10 <sup>2</sup>	SMEWW 9221B:2023
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021

TL Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Lưu ý:**

Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên  
 Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.  
 Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)

(\*) Thông tin do khách hàng cung cấp

(-): Thông số không quy định giới hạn

KPH: Không Phát Hiện

LOD: Giới hạn phát hiện

Mẫu do khách hàng gửi đến, mẫu không niêm phong và chứa trong can nhựa 5 lít.



**TRUNG TÂM KỸ THUẬT**  
**TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
**CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY**

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ  
 Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City  
 Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976  
 Email: catech@cantho.gov.vn  
 Website: catech.vn

432207/MT/102207/24

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày: 12/08/2024  
 Trang: 1/1

**Tên mẫu và ký hiệu** : Khí thải 1 (Tại ống khói lò hơi đốt trấu)  
 Tọa độ: X = 1116742; Y = 577582

**Số lượng mẫu** : 01 mẫu

**Ngày nhận mẫu** : 22/07/2024

**Tình trạng mẫu** : Mẫu được quan trắc tại hiện trường

**Ngày thử nghiệm** : Từ 22/07/2024 đến 10/08/2024

**Nơi gửi mẫu / Yêu cầu** : **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ**  
 Lô 38A4 KCN Trà Nóc 1, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ

**Lưu mẫu** : Không  Có  Đến ngày: .....

**Lấy mẫu, TN tại hiện trường** : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 102207

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 13h00 - 14h30 ngày 22/07/2024 tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Nam Mỹ - Lô 38A4, khu công nghiệp Trà Nóc 1, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

**Kết quả thử nghiệm** :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	4,57
2	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	US EPA Method 2	18.563

Chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
**HÓA SINH**

**Phạm Văn Tú**

**KT, GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Khánh Ngọc**



12207/MT/102207/24

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày: 12/08/2024  
 Trang: 1/1

Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 2 (Tại ống thoát khí hệ thống hấp phụ khí thải dây chuyền sấy)  
 Tọa độ: X = 1116788; Y = 577669

Số lượng mẫu : 01 mẫu

Ngày nhận mẫu : 22/07/2024

Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường

Ngày thử nghiệm : Từ 22/07/2024 đến 10/08/2024

Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ  
 Lô 38A4 KCN Trà Nóc 1, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Lưu mẫu : Không  Có  Đến ngày: .....

Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 102207

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 13h00 - 14h30 ngày 22/07/2024 tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Nam Mỹ - Lô 38A4, khu công nghiệp Trà Nóc 1, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Kết quả thử nghiệm :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K 0099:2020	0,73
2	Hàm lượng H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K 0108:2010	2,50

Chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
**HÓA SINH**

**Phạm Văn Tú**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Khánh Ngọc**

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
*Name of sample and client are reported as the client's request.*
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*





Số: 232809/MT/032809/24

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày: 08/10/2024  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (Nước thải tại đầu ra HTXL nước thải)  
Tọa độ: X=1117255; Y=577456
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 28/09/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 28/09/2024 đến 06/10/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG TÍN VIỆT**  
Số 83 đường B6, khu TĐC Tân Phú, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không  Có  Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 032809
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Từ 14h40 - 17h10 ngày 28/09/2024 tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Nam Mỹ - Lô 38A4 Khu công nghiệp Trà Nóc 1, quận Trà Nóc, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,23 (tại 30,1°C)
2	Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	17
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	30
4	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	15,00
5	Hàm lượng dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 <sup>(a)</sup>
6	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	7,29
7	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	1,54
8	Hàm lượng Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	< 0,90 <sup>(a)</sup>

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - <sup>(a)</sup> là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc



1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT  
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ  
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City  
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976  
Email: catech@cantho.gov.vn  
Website: catech.vn

132809/MT/032809/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 08/10/2024  
Trang: 2/2

T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 <sup>(a)</sup>
2	Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	< 2,10 <sup>(a)</sup>

CATECH



Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Name of sample and client are reported as the client's request.

Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

Bm 20 - 01a



## PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)

HỒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 &amp; ISO/IEC 17025:2017


## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

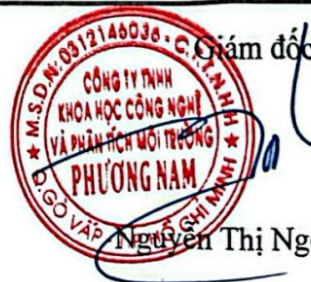
Mã số phiếu: 24.27817

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ  
Địa chỉ: Lô 38A4 Khu Công Nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : NT – Nước thải tại đầu ra HTXLNT (X: 1117255, Y: 577456) (\*)
4. **Ngày nhận mẫu** : 16/11/2024
5. **Thời gian thử nghiệm** : 16/11/2024 - 26/11/2024
6. **Ngày trả kết quả** : 26/11/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,26	TCVN 6492:2011
2	COD	mg/L	44	SMEWW 5220C:2023
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	23	SMEWW 5210B:2023
4	TSS	mg/L	21	TCVN 6625:2000
5	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	2,6	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nitơ	mg/L	7,8	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	0,52	SMEWW 4500-P.B&E:2023
8	Coliform	MPN/100mL	1,7 x 10 <sup>2</sup>	SMEWW 9221B:2023
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021

Trưởng phòng phân tích

  
Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc  
Nguyễn Thị Ngọc Báu**Lưu ý :**

Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên

Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý, bằng văn bản của công ty.

Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)

\*) Thông tin do khách hàng cung cấp

-): Thông số không quy định giới hạn

KPH: Không Phát Hiện

LOD: Giới hạn phát hiện

Mẫu do khách hàng gửi đến, mẫu không niêm phong và chứa trong can nhựa 5 lít.

1/1



310512/MT/160512/24

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày: 18/12/2024  
Trang: 1/1

Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 1 (Tại ống khói lò hơi đốt trấu)  
Tọa độ: X = 1116742; Y = 0577582

Số lượng mẫu : 01 mẫu

Ngày nhận mẫu : 05/12/2024

Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường

Ngày thử nghiệm : Từ 05/12/2024 đến 16/12/2024

Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ**  
Lô 38A4 KCN Trà Nóc 1, Q.Binh Thủy, TP.Cần Thơ

Lưu mẫu : Không  Có  Đến ngày: .....

Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 160512

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 09h15 - 11h00 ngày 05/12/2024 tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Nam Mỹ - Lô 38A4, khu công nghiệp Trà Nóc 1, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Kết quả thử nghiệm :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	6,91
2	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	US EPA Method 2	15.893
3	Nhiệt độ	°C	HD 5.7 - QT - 27	102,2
4	Hàm lượng SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	HD 5.7 - QT - 27	< 2,62
5	Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	HD 5.7 - QT - 27	122
6	Hàm lượng CO	mg/Nm <sup>3</sup>	HD 5.7 - QT - 27	231

Chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
**HÓA SINH**

**Phạm Văn Tú**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Khánh Ngọc**

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 320512/MT/160512/24

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày: 18/12/2024  
 Trang: 1/1

Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 2 (Tại ống thoát khí hệ thống hấp phụ khí thải dây chuyền sấy)  
 Tọa độ: X = 1116788; Y = 0577669

Số lượng mẫu : 01 mẫu

Ngày nhận mẫu : 05/12/2024

Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường

Ngày thử nghiệm : Từ 05/12/2024 đến 16/12/2024

Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ**  
**Lô 38A4 KCN Trà Nóc 1, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ**

Lưu mẫu : Không  Có  Đến ngày: .....

Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 160512

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 09h15 - 11h00 ngày 05/12/2024 tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Nam Mỹ - Lô 38A4, khu công nghiệp Trà Nóc 1, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K 0099:2020	0,82
2	Hàm lượng H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K 0108:2010	2,44

Chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
**HÓA SINH**

Phạm Văn Tú

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Khánh Ngọc

Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Name of sample and client are reported as the client's request.*

Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

## PHỤ LỤC 2

**Phụ lục 2:** Chứng từ chất thải nguy hại



## BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Căn cứ theo hợp đồng Số: 3.5.84./HĐ.MTĐT-NH/24.4.VX (632) ngày 01/11/2024

### 1. BÊN GIAO: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM MỸ

Địa chỉ thu gom CTNH: Lô 38A4, Đường số 1, KCN Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.

Điện thoại: 0292 3 842 468

#### Đại diện:

Ông/bà: Nguyễn Bá Tuấn

Chức vụ: Nhân Viên

### 2. BÊN NHẬN: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM

(Đơn vị liên kết thu gom, vận chuyển: CÔNG TY TNHH TM DV MÔI TRƯỜNG LÂM PHÁT)

Địa chỉ: 403/38/63, Đường TCH10, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. HCM.

Điện thoại/Fax: 02862950153

#### Đại diện:

Ông/bà: Nguyễn Kỳ Tứ

Chức vụ: Nhân viên giao nhận

Hôm nay, ngày 06 tháng 11 năm 2024, Hai bên Tiến hành giao, nhận các loại chất thải nguy hại (CTNH) được vận chuyển chất thải từ Cty đến nơi xử lý số lượng cụ thể như bảng sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Xe vận chuyển	Ghi Chú
		Rắn	Lỏng	Bùn				
1	Mực in thải	x			08 02 01	3	5.12.4.132	
2	Hộp mực in thải	x			08 02 04	10		
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	2		
4	Pin thải	x			16 01 12	✓		
5	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01	33		
Tổng cộng								

(Mã CTNH được ký hiệu theo hướng dẫn của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)

Đại diện hai bên thống nhất khối lượng giao, nhận chất thải nguy hại như trên và đồng ý ký tên vào biên bản.

Biên bản này được thành lập 02 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản để làm số liệu so sánh, tổng kết và thanh toán.

#### ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

  
Nguyễn Bá Tuấn

#### ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN



Nguyễn Kỳ Tứ